

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUANG BÌNH
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 8 - 2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Ước

Bà Nguyễn Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Mạnh Cường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Đức Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Văn K; sinh năm 1986; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị H; sinh năm 1987; vắng mặt.

3. *Người làm chứng:*

- Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1986; vắng mặt.

- Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1960; vắng mặt.

- Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1966; vắng mặt.

Nguyên đơn, bị đơn, những người làm chứng cùng địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là anh Hoàng Văn K khai rằng anh và chị Hoàng Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/8/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Sau kết hôn, vợ chồng làm nhà ở riêng và chung sống hạnh phúc. Đến tháng 7 năm 2014, anh K vi phạm pháp luật và bị kết án 06 năm tù. Quá trình anh K chấp hành án ở trại giam thì chị H không quan tâm,

thăm hỏi, động viên anh K. Năm 2019, anh K chấp hành án về thì thấy chị H đã bỏ đi làm ăn ở đâu thì anh K không biết. Anh K đến nhà bố mẹ vợ ở cùng thôn để hỏi địa chỉ, số điện thoại của chị H nhưng gia đình bố mẹ vợ giấu, không cho thông tin để anh K liên lạc với chị H. Thi thoảng chị H về thăm gia đình thì chỉ về với bố, mẹ đẻ của chị; anh K đến để vợ chồng nói chuyện hàn gắn, đoàn tụ nhưng chị H trốn tránh, gia đình chị H che giấu không cho anh K gặp chị H. Bố mẹ chị H nói là chị H có về nhà nhưng lại đi rồi và không biết chị H làm ở công ty nào vì chị hay thay đổi chỗ làm việc. Khi anh K xin được số điện thoại và liên lạc với chị H, nghe được tiếng nói của anh K thì chị H tắt máy; chị H nhất mực không nghe, nhận điện thoại của anh K. Thấy tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn khắc phục để đoàn tụ được nên anh K xin ly hôn với chị H. Vợ chồng chưa có con chung. Anh K không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung.

Bị đơn là chị Hoàng Thị H vắng mặt ở nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về nên Tòa án nhân dân huyện Quang Bình đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng, giấy triệu tập chị H theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Quang Bình không nhận được văn bản hay tài liệu, chứng cứ nào từ chị H; chị H không có mặt theo các giấy triệu tập của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự có liên quan đến mình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử cho anh Hoàng Văn K ly hôn chị Hoàng Thị H; về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Hoàng Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Hoàng Văn K có đơn xin ly hôn chị Hoàng Thị H, các đương sự cùng có địa chỉ tại Thôn X, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quang Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ, theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn K và chị Hoàng Thị H đăng ký kết hôn ngày 13/8/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang, là kết hôn hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của anh K cũng như lời khai của những người làm chứng, thấy rằng giữa anh K và chị H đã phát sinh mâu thuẫn từ khi anh K

phải đi chấp hành án phạt tù. Giữa hai vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc; chị H không có tình nghĩa vợ chồng đối với anh K như theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình; mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng các điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho anh K ly hôn chị H.

[4] Về con chung: Không có, nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 238, khoản 4 Điều 147, các điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị anh Hoàng Văn K ly hôn chị Hoàng Thị H.

- Về án phí: Anh Hoàng Văn K phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004020 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình, anh K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

- Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Mai Hồng

